



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU
THỦY SẢN MIỀN TRUNG**

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
ANNUAL REPORT**

2013

I.	<u>Thông tin chung</u>	3
II.	<u>Tình hình hoạt động năm 2013</u>	9
III.	<u>Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc</u>	15
IV.	<u>Đánh giá của Hội đồng quản trị</u>	19
V.	<u>Quản trị công ty</u>	21
VI.	<u>Báo cáo tài chính</u>	26



I. THÔNG TIN CHUNG

- 
- Tên Công ty : **CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG**
 - Tên giao dịch : **SEAPRODEX DANANG**
 - Giấy ĐKKD : **0400100778**
 - Vốn điều lệ : **100.000.000.000 đ (Một trăm tỷ đồng).**
 - Địa chỉ : **01 Bùi Quốc Hưng, Q.Sơn Trà, TP Đà Nẵng**
 - Số điện thoại : **(84.511) 3823041/ 3824160**
 - Số fax : **(84.511) 3823769/ 3921958**
 - Email : **info@seadanang.com.vn**
 - Website : **www.seadanang.com.vn**
 - Mã cổ phiếu : **SPD**
 - Sàn giao dịch : **UPCoM**



1. Quá trình hình thành và phát triển

26/02/1983

Chi nhánh Xuất Khẩu Thủy Sản Đà Nẵng, tiền thân của Công ty XNK Thủy Sản Miền Trung thành lập.

31/3/1993

Công ty XNK Thủy Sản Miền Trung được thành lập theo quyết định số 242/TS-QĐ của Bộ Thủy Sản, là doanh nghiệp nhà nước, hạch toán độc lập. Công ty có quyền tự chủ kinh doanh, tự chủ về tài chính.

21/10/2005

Công ty XNK Thủy Sản Miền Trung thực hiện cổ phần hoá theo chủ trương của nhà nước về sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp, theo quyết định số 1226/QĐ-BTS Bộ Thủy Sản.

09/12/2006

Công ty đã tổ chức thành công Đại hội cổ đông thành lập Công ty Cổ Phần XNK Thủy Sản Miền Trung.

01/01/2007

Công ty Cổ Phần XNK Thủy Sản Miền Trung chính thức đi vào hoạt động với vốn điều lệ 55 tỷ đồng.





Năm 2008

- 22/09/2008, Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước ra quyết định cấp giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng cho Công ty CP XNK Thủy Sản Miền Trung, số 335/UBCK-GCN.
- 04/11/2008, Công ty đã thực hiện tăng vốn điều lệ lên mức 75,6 tỷ đồng và đã có báo cáo bằng văn bản gửi Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước về kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng.

Năm 2010

- 16/03/2010, Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội chấp thuận giao dịch cổ phiếu của Seaprodex Danang (mã SPD) trên sàn UpCom;
- Ngày 22/04/2010, Công ty đã có phiên giao dịch đầu tiên trên sàn UpCom.

Năm 2012

- 24/03/2012, Công ty đã kết thúc đợt tăng vốn điều lệ từ 75,6 tỷ đồng lên 100 tỷ đồng và đã có báo cáo bằng văn bản gửi Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước về kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng.
- 11/04/2012, Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội chấp thuận thay đổi đăng ký giao dịch cổ phiếu của Seaprodex Danang (mã SPD) trên sàn UpCom (Quyết định 101/QĐ-SGDHN);
- 03/05/2012, Công ty đã có phiên giao dịch đầu tiên trên sàn UpCom sau khi bổ sung cổ phiếu giao dịch.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

**** Ngành nghề kinh doanh chính:**

- Chế biến, xuất khẩu thủy sản đông lạnh (Tôm, mực, cá)
- Kinh doanh vật tư nhập khẩu (Hạt nhựa, giấy, sắt thép, hóa chất...)
- Sản xuất kinh doanh thức ăn nuôi thủy sản; gia công thức ăn gia súc, gia cầm.

**** Địa bàn kinh doanh:**

- Thành phố Đà Nẵng (hoạt động chế biến, xuất khẩu thủy sản)
- Thành phố Hồ Chí Minh (hoạt động kinh doanh vật tư nhập khẩu)
- Thành phố Hà Nội (hoạt động kinh doanh vật tư nhập khẩu)
- Tỉnh Quảng Nam (hoạt động sản xuất chế biến thức ăn nuôi thủy sản).

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

a. Mô hình quản trị:

– Mô hình quản trị doanh nghiệp bao gồm: Đại hội Đồng cổ đông; Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị; Ban Điều hành đứng đầu là Tổng Giám đốc.

b. Cơ cấu bộ máy quản lý:

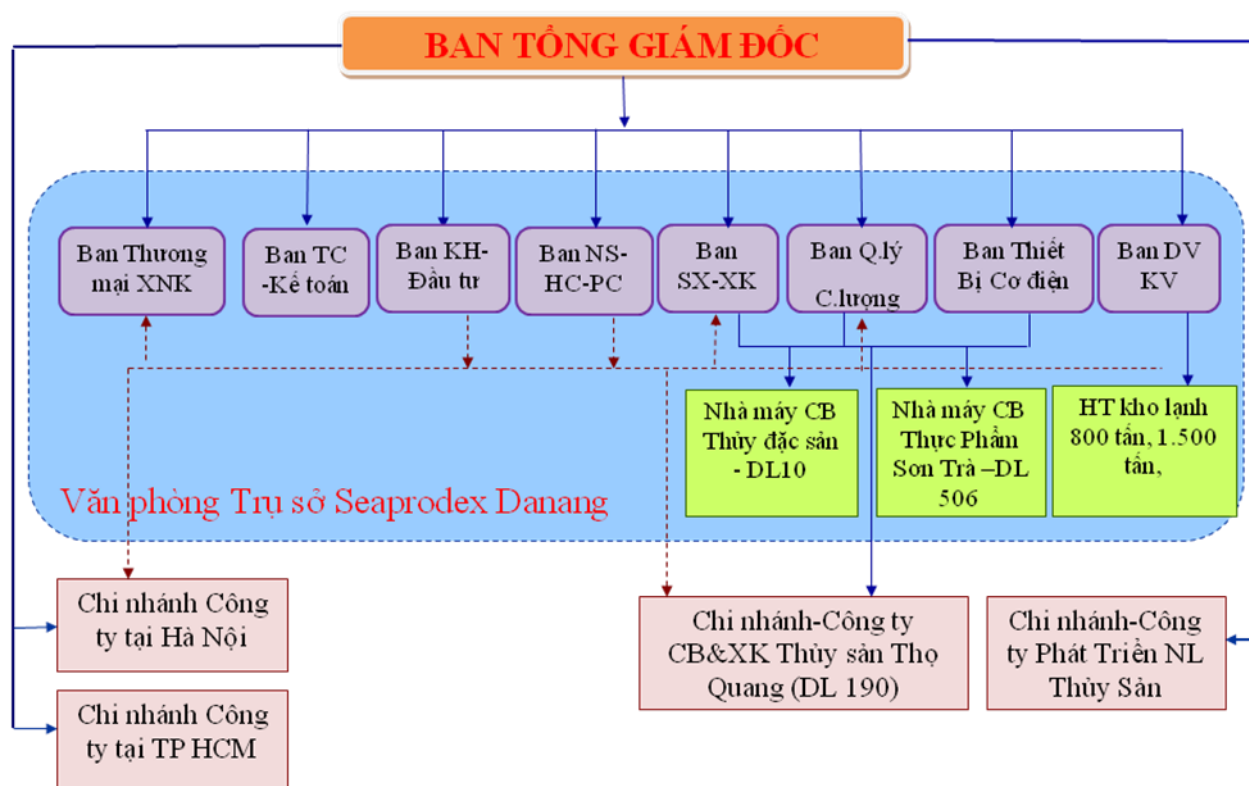
– Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty được xây dựng trên nguyên tắc phân công, quản lý theo các khối chức năng công việc, có mối quan hệ chặt chẽ với nhau.

– Tổng Giám đốc Công ty quản lý, điều hành thông qua việc phân cấp, phân quyền để trực tiếp giải quyết các công việc cụ thể của khối thông qua các Phó Tổng Giám đốc (Các Khối có các Ban chức năng) như sau :

+ Khối sản xuất - xuất khẩu: Gồm Ban Sản xuất –xuất khẩu; Ban Quản lý chất lượng, Ban Thiết bị-Cơ điện, Ban Dịch vụ Kho vận, Chi nhánh Cty- Công ty Chế biến và XK Thủy Sản Thọ Quang, Chi nhánh- Công ty Phát triển Nguồn Lợi Thủy Sản.

+ Khối nghiệp vụ tổng hợp: Gồm Ban Tài chính-Kế toán, Ban Kế hoạch-Đầu tư, Ban Nhân sự-Hành chính-Pháp chế.

+ Khối Thương mại Nhập khẩu: Gồm Ban Thương mại XNK, Chi nhánh Công ty tại Tp Hồ Chí Minh; Chi nhánh Công ty tại Hà Nội.



c. Các công ty con, công ty liên kết:

Đơn vị liên kết đến 31/12/2013				Vốn góp của Công ty đến 31/12/2013		
Danh sách công ty liên kết	Địa chỉ	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	Vốn điều lệ (đ)	Số vốn góp (đ)	Tỷ lệ vốn góp của công ty/ VDL của đơn vị góp vốn (%)	Số cổ phần sở hữu (CP)
Cty CP Thủy sản 584 Nha Trang	584 Lê Hồng Phong- Tp Nha Trang	Sản xuất kinh doanh nước mắm	15.972.810.000	2.859.870.000	22,35%	357.036
TỔNG				2.859.870.000		

4. Định hướng phát triển

a. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

Công ty xác định trọng tâm hoạt động của Công ty là chế biến - xuất khẩu thủy sản, nhưng vẫn phát huy thế mạnh truyền thống trên cả lĩnh vực “sản xuất - thương mại - dịch vụ”, sẽ chuyển dịch cơ cấu theo hướng giảm dần thương mại và đầu tư cho sản xuất, tinh gọn bộ máy, cơ cấu lại ở từng lĩnh vực kinh doanh nhằm khai thác có hiệu quả tài sản của Công ty, bảo toàn vốn và thực hiện mạnh mẽ mục tiêu tăng hiệu quả kinh doanh.

b. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:

- Công ty quan tâm đến việc phấn đấu đạt các chuẩn quốc tế về quản lý chất lượng và môi trường.
- Từng bước nâng cao đời sống người lao động về vật chất và tinh thần, đảm bảo việc làm cho người lao động, tạo nên các giá trị cốt lõi :
- + **Đầu tư vào con người là đầu tư vào chất lượng công việc, chất lượng sản phẩm;**
- + **Lấy chữ tín** đối với khách hàng và các bên liên quan làm phương châm hoạt động;
- + **Lấy các giá trị " đoàn kết - trung thành - năng động - chuyên nghiệp "** làm nền tảng văn hóa doanh nghiệp.
- + **Hợp tác cùng phát triển** là môi trường và sức mạnh để tồn tại, cạnh tranh lành mạnh hướng vào thị trường và phát triển bền vững.



5. Các rủi ro:

Rủi ro kinh tế

Năm 2013, nền kinh tế trong và ngoài nước đều gặp rất nhiều khó khăn, thách thức. Là một bộ phận của nền kinh tế, Seaprodex Danang không là ngoại lệ. Công ty đã chịu tác động trực tiếp từ biến động mạnh của giá nguyên liệu, lực cầu ở các thị trường trong và nước ngoài lại giảm.

Rủi ro luật pháp

Seaprodex Danang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần nên hoạt động của Công ty chịu ảnh hưởng của Luật Doanh Nghiệp Việt Nam. Cùng với các hoạt động xuất nhập khẩu của công ty, tất yếu công ty sẽ bị quản lý trực tiếp của các văn bản luật trong hoạt động xuất nhập khẩu.

Seaprodex Danang hiện nay là công ty đại chúng và đã giao dịch cổ phiếu trên sàn Upcom, do vậy công ty còn chịu sự điều chỉnh của Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành. Các văn bản pháp luật này đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi các luật này sẽ có ảnh hưởng đến công ty.

Rủi ro đặc thù

- Rủi ro về nguyên liệu: Nguồn nguyên liệu phụ thuộc rất nhiều vào điều kiện thời tiết, nguồn nước, chất lượng nguyên liệu, cạnh tranh từ thương lái Trung Quốc ...

- Rủi ro về thị trường xuất khẩu: Đây là những thị trường có nhiều biến động và khó lường. Những quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm, các rào cản thương mại, phí thuế quan như chống bán phá giá, chống trợ cấp... là những nhân tố có thể ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty.

- Rủi ro tỷ giá hối đoái: Hoạt động của công ty liên quan nhiều đến xuất nhập khẩu, nên sự biến động của tỷ giá hối đoái trên thị trường, chính sách tiền tệ của nhà nước, sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của Công ty .

Rủi ro khác

Các rủi ro bất khả kháng như chiến tranh, thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn... nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại về tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Đây là những rủi ro không thể loại trừ nhưng có thể giảm thiểu. Vì vậy, Công ty thường xuyên nắm bắt kịp thời thông tin và đảm bảo thực hiện tốt công tác phòng cháy chữa cháy,... đồng thời lên kế hoạch điều hành công việc một cách tối ưu, thường xuyên tham gia mua bảo hiểm cho hàng hoá và tài sản của Công ty.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2012	Kế hoạch 2013	TH 2013	% TH 2013 / KH 2013
1- Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.296,06	1.355,30	1.624,66	119,87
2- Kim ngạch XNK	Triệu USD	55,632	57,37	66,512	115,94
<i>Xuất khẩu</i>	Triệu USD	29,928	31,67	30,799	97,25
<i>Nhập Khẩu</i>	Triệu USD	25,704	25,70	35,713	138,96
3- SX, gia công, KD thức ăn nuôi TS-GC					
Doanh thu	Tỷ đồng	35,01	37,30	28,514	76,44
Sản lượng SX:	Tấn	21.247	17.550	20.141,27	114,77
4- Doanh thu KD Kho vận, cho thuê nhà	Tỷ đồng	8,408	15,26	13,802	90,44
5- Khấu hao TSCĐ	Tỷ đồng	12,78	13,462	13,462	100,00
6- Lợi nhuận	Tỷ đồng	3,023	10,00	1,547	15,47

Năm 2013, mặc dù hầu hết các chỉ tiêu kế hoạch đều đạt ở mức cao: tổng doanh thu đạt 1.624,66 tỷ đồng vượt 19% kế hoạch và tăng 24,5% so với năm 2012; Kim ngạch xuất nhập khẩu: đạt 66,51 triệu USD, vượt 15,94% kế hoạch và tăng 19,56% so với năm 2012 (trong đó, kim ngạch xuất khẩu đạt 31,67 triệu USD (bằng 97,25% kế hoạch năm), kim ngạch nhập khẩu đạt 35,71 triệu USD, vượt 38,96% kế hoạch), nhưng một trong những chỉ tiêu quan trọng nhất là lợi nhuận chỉ đạt 15,47% so với kế hoạch. Có thể đánh giá, 2013 là một năm vô cùng khó khăn với Seaprodex Danang.



2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách Ban điều hành:

HỌ VÀ TÊN	NGÀY THÁNG NĂM SINH	NAM/ NỮ	QUÊ QUÁN	LOẠI CỔ ĐÔNG	QUAN HỆ VỚI CĐNB	ĐỊA CHỈ THƯỜNG TRÚ	TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN	CHỨC VỤ HIỆN NAY	SỐ CHỨNG KHOÁN NĂM GIỮ
Lê Hồng Sơn	18/09/1958	Nam	Thăng Bình, Quảng Nam	Nội bộ		76 Hải Phòng -Đà Nẵng	Cử nhân Kế toán Công nghiệp.	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc, kiêm Giám đốc chi nhánh công ty tại Hà Nội	76.476
Thái Bá Nam	22/12/1965	Nam	Điện Bàn, Quảng Nam	Nội bộ		Lô 29 B2, đường 2/9 -Đà Nẵng	Cử nhân Tài chính kế toán.	Ủy viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc, kiêm Giám đốc chi nhánh tại HCM.	40.000
Trần Như Thiên Mỹ	11/06/1969	Nữ	Ninh Hòa, Khánh Hòa	Nội bộ		K31/11 Lê Hồng Phong- Đà Nẵng	Cử nhân Tài chính- kế toán; Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	Phó Tổng Giám đốc.	25.000
Nguyễn Anh Tuấn	31/12/1970	Nam	Quế Sơn, Quảng Nam	Nội bộ		H30/6 Phan Tứ, P.Mỹ An, Q.Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng	Cử nhân kinh tế ngành thống kê	Phó Tổng Giám đốc	33.690
Lê Thanh Phương	20/10/1977	Nam	Điện Phương, Điện Bàn, Quảng Nam	Nội bộ		11Bình Hòa 7, Q. Cẩm Lệ, Đà Nẵng	Cử nhân kế toán kiểm toán	Kế toán trưởng	6.000
Nguyễn Minh Chánh	11/09/1960	Nam	Đại Lộc, Quảng Nam	Nội bộ		50 Lê Lai- Đà Nẵng	Cử nhân kinh tế	Giám đốc chi nhánh- Cty Chế biến & XK Thủy Sản Thọ Quang	22.000
Trần Nguyên Thái	23/9/1968	Nam	Hải Châu – Đà Nẵng	Nội bộ		83 Nguyễn Sơn - -Đà Nẵng	Kỹ sư nuôi trồng thủy sản	Q.Giám đốc chi nhánh- Công ty Phát triển nguồn lợi thủy sản	1.400



2.2. Những thay đổi trong ban điều hành:

- Ông Thái Bá Nam được bổ nhiệm kiêm nhiệm Giám đốc Chi nhánh Công ty tại TP HCM từ ngày 02/01/2013.
- Ông Nguyễn Đình Trí thôi giữ chức vụ Giám đốc Chi nhánh Công ty – Công ty Phát triển Nguồn lợi Thủy sản từ ngày 01/08/2013.
- Bổ nhiệm Ông Trần Nguyên Thái làm Quyền Giám đốc Công ty Phát triển nguồn lợi thủy sản từ ngày 01/08/2013.

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.

- Tổng số CBCNV toàn Công ty có mặt đến 31/12/2013 là: **1 055** người

(trong đó nữ: **652** người) đã được ký kết theo các loại HĐLĐ: 998, trong đó:

- + Hợp đồng lao động không xác định thời hạn : 291 người
- + Hợp đồng lao động xác định thời hạn từ 1-3 năm : 707 người
- + Hợp đồng lao động theo mùa vụ, theo một công việc : 57 người

- Tóm tắt chính sách đối với người lao động:

* Công ty thực hiện đúng và đầy đủ các chế độ, chính sách cho người lao động theo quy định của Pháp luật như: BHXH, BHYT, BHTN, nâng bậc nghề, các chế độ ốm đau, thai sản, bồi dưỡng độc hại bằng hiện vật, thực hiện các suất ăn tăng giờ, tăng ca. Cụ thể:

- Mọi quyền lợi của người lao động đều được thực hiện theo đúng Hợp đồng lao động đã ký kết.

- Nâng lương, thi nâng bậc nghề cho người lao động thực hiện đúng quy trình, quy định của pháp luật cụ thể như sau:

- + Nâng lương, chuyển ngạch 95 lao động khối gián tiếp.
- + Tổ chức thi nâng bậc nghề cho 53 lao động khối trực tiếp sản xuất từ bậc 2/6 đến bậc 6/6 và ký kết HĐLĐ, xếp bậc nghề bậc 1/6 cho lao động mới tuyển dụng sau đào tạo học nghề .

* Xây dựng và điều chỉnh đơn giá lương kịp thời, xây dựng và áp dụng các chính sách thưởng chuyên cần, thưởng năng suất nhằm khuyến khích công nhân tham gia sản xuất năng suất, chất lượng. Cụ thể:

- Công ty hiện đang áp dụng các hình thức trả lương sau:
 - o Lương theo chức danh công việc
 - o Lương khoán
 - o Lương sản phẩm



- Về thu nhập thực tế bình quân năm 2013 của toàn Công ty là: **4.785.000** đồng/người/tháng, tăng bình quân 13,2% so với năm 2012.

Trong đó: + Lao động gián tiếp tăng 11%

+ Lao động trực tiếp tăng 16 %

- Tiền phép năm 2013 của CBCNV trong toàn Công ty đã được thanh toán đầy đủ theo quy định với tổng số tiền **1.513.551.445** đồng. CBCNV được nghỉ hưởng nguyên lương vào các ngày Lễ, Tết, nghỉ việc riêng có lương theo đúng quy định của Bộ luật Lao động. Khi huy động người lao động làm việc tăng ca, tăng giờ, Công ty đã thực hiện thanh toán tiền lương, tiền công theo đúng qui định.

- Thực hiện chi thưởng năng suất, thưởng chuyên cần, thưởng xuất khẩu trong năm 2013 với giá trị hơn 4,3 tỷ đồng.

* Công ty thực hiện đúng và đầy đủ các chính sách trợ cấp, thăm viếng, hiếu hỷ,... theo Thỏa ước lao động tập thể.

* Công ty và các tổ chức đoàn thể luôn có sự phối hợp tổ chức các hoạt động sinh hoạt dã ngoại nhằm xây dựng tinh thần đoàn kết, gắn bó của người lao động đối với Công ty, nâng cao giá trị tinh thần cho người lao động: như tổ chức dã ngoại nhân dịp 8/3; tổ chức cho các cựu quân nhân đang làm việc tại Công ty đi dã ngoại về nguồn nhân dịp 27/7; tặng quà cho các cháu con CBCNV nhân dịp Quốc tế thiếu nhi, khen thưởng các cháu có thành tích học tập tốt, thi đậu đại học..v.v.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn:

Trong năm 2013, Công ty không thực hiện các dự án đầu tư lớn.

b) Các công ty con, công ty liên kết: Công ty có 01 công ty liên kết (vốn đầu tư 22,35%) : Công ty CP Thủy sản 584 Nha Trang. Đây là đơn vị chuyên sản xuất, kinh doanh nước mắm theo công nghệ truyền thống. Năm 2013 đơn vị này có kết quả SXKD tốt, lợi nhuận tăng 38,4% so với năm 2012. Mặc dù qui mô nhỏ nhưng hoạt động ổn định và có hướng mở rộng.



4. Tình hình tài chính

a) Các chỉ tiêu tài chính:

Chỉ tiêu	31/12/2012	31/12/2013	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	500.251.803.381	460.901.139.937	(7,86%)
Doanh thu thuần	1.279.015.002.335	1.607.750.344.748	25,7%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	2.793.054.408	695.380.149	(75,1%)
Lợi nhuận khác	(1.132.908)	851.190.578	75.233,25 %
Lợi nhuận trước thuế	2.791.921.500	1.546.570.727	(44,6%)
Lợi nhuận sau thuế	2.352.993.863	1.359.420.378	(42,22%)
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	5%	0%	

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	31/12/2012	31/12/2013	% Tăng/giảm so với 2012
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	1,120	1,131	1,035
+ Hệ số thanh toán nhanh:	0,661	0,676	2,249
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,757	0,745	(1,602)
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	3,119	2,923	(6,287)
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	2,557	3,488	36,46
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,002	0,001	(54,039)
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,019	0,012	40,279)
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,005	0,003	(37,292)
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,002	0,00043	(80,194)

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần đang lưu hành : 10.000.000 cổ phần – đang chuyển nhượng tự do.
- Loại cổ phần đang lưu hành : Phổ thông.
- Thị trường giao dịch : UPCoM.
- Mã chứng khoán : SPD

b) Cơ cấu cổ đông:

Cổ đông	Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu (%)
Phân theo CD nhà nước và khác	10.000.000,00	100,00
<i>Cổ đông nhà nước</i>	5.467.538,00	54,68
<i>Cổ đông khác</i>	4.532.462,00	45,32
Phân theo CD tổ chức và cá nhân	10.000.000,00	100,00
<i>Tổ chức</i>	6.112.747,00	61,13
<i>Cá nhân</i>	3.887.253,00	38,87
Phân theo CD trong nước và nước ngoài	10.000.000,00	100,00
<i>Trong nước</i>	9.979.500,00	99,80
<i>Nước ngoài</i>	20.500,00	0,20
	10.000.000,00	





IV. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. *Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh*

Năm 2013 Công ty vẫn tiếp tục duy trì mô hình tổ chức sau điều chỉnh 2012, và hoạt động trên cả 3 lĩnh vực: sản xuất chế biến - xuất khẩu thủy sản; thương mại; và dịch vụ. Công ty đã thực hiện doanh thu tăng gần 20% so với kế hoạch được giao, với kim ngạch XNK tăng hơn 15% (*trong đó thực hiện xuất khẩu đạt 97,25% kế hoạch và nhập khẩu thực hiện tăng hơn 38% kế hoạch*), nhưng hoạt động sản xuất - kinh doanh thức ăn nuôi thủy sản chỉ đạt 76,44% kế hoạch (*mặc dù sản lượng sản xuất tăng gần 15% nhưng trong đó sản lượng SX-KD thức ăn thủy sản chỉ đạt 56% và hoạt động gia công đóng vai trò chủ đạo của doanh thu tại lĩnh vực này*), hoạt động kinh doanh dịch vụ đạt hơn 90% kế hoạch. Công ty đã hoàn thành kế hoạch khấu hao của năm 2013 ở mức 13,462 tỷ đồng. Tuy nhiên, lợi nhuận chỉ đạt 15% kế hoạch.

Về hiệu quả kinh doanh:

Năm 2013 Công ty không đạt hiệu quả theo kế hoạch 2013, do các nguyên nhân chính sau đây:

- Trong hoạt động sản xuất chế biến - xuất khẩu thủy sản: năm 2013 không có hiệu quả do giá nguyên liệu trong năm tăng cao bất thường (*tăng hơn 40% so với năm trước*) - hậu quả của dịch bệnh tôm nuôi, cạnh tranh mua gay gắt với thương nhân Trung Quốc làm giá biến động tăng vọt ngay trong mùa vụ chính... Tuy nhiên, Công ty vẫn ổn định được việc làm cho hơn 1.000 lao động, đảm bảo thu nhập và có quỹ lương dự trữ. Ngoài ra, Công ty đã thực hiện dự phòng hơn 4 tỷ đồng công nợ khó đòi và thực hiện khấu hao 13,462 tỷ đồng. Như vậy, đến hết 2013 Công ty đã cơ bản thực hiện dự phòng toàn bộ công nợ khó đòi các năm trước tại Công ty, hiện nay chỉ còn khoản gần 1 tỷ đồng của Công ty PTNL thủy sản chưa trích dự phòng do chưa đủ tuổi nợ theo quy định;

- Hoạt động sản xuất - kinh doanh thức ăn nuôi thủy sản không hiệu quả nên năm 2013 Công ty đã cơ cấu lại lĩnh vực hoạt động này: từ bộ máy lãnh đạo, mô hình tổ chức quản lý đến hệ thống khách hàng, theo đó, năm 2013 Công ty đã gánh chi phí dự phòng khá lớn. Việc xử lý kể trên đã cải thiện tình hình tài chính, đảm bảo cho việc kiểm soát vốn ở lĩnh vực này, và xác định hoạt động chính sắp tới sẽ là gia công thức ăn gia súc gia cầm.

– ***Về công tác điều hành Công ty:***

Năm 2013, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã triển khai thực hiện 18 nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty, gồm các nghị quyết về quản lý kinh doanh, tái cơ cấu tổ chức, và các quyết định liên quan đến nhân sự của Công ty.

Ban Tổng Giám đốc có 04 thành viên, đã thực hiện việc phân công quản lý, điều hành và chịu trách nhiệm trực tiếp ở lĩnh vực thương mại (*kinh doanh vật tư*): Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc chi nhánh Hà Nội và 01 Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh Tp HCM. Các vấn đề điều hành kinh doanh hàng ngày, giải quyết tồn kho, và thu hồi công nợ là những giải pháp cụ thể, mạnh mẽ đã thực hiện, và kết quả là sự chuyển biến theo chiều hướng tốt ở lĩnh vực kinh doanh này.

Mặc dù đã thực hiện tái cơ cấu đơn vị Phát Triển nguồn Lợi Thủy Sản trong năm 2013, nhưng Ban điều hành Công ty vẫn đánh giá đây là lĩnh vực hoạt động có thể sẽ phải có những thay đổi lớn nữa trong thời gian tới, khi hoạt động gia công giảm xuống và sự phân hóa chiếm lĩnh thị trường của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài ngày càng lớn - gần như toàn bộ - sau khi họ hoàn thành đầu tư tại các vùng thị trường trọng điểm của lĩnh vực kinh doanh này.

Việc làm và đời sống của hơn 1.000 lao động vẫn ổn định và tăng lên, Công ty đã khai thác được thêm một sản lượng gia công tốt cho những tháng trái vụ, sản lượng thành phẩm xuất khẩu thực hiện 2013 đã tăng 4%. Các chứng nhận quốc tế về quản lý chất lượng được duy trì tốt (*HACCP, BRC, EU code, ISO 9001:2008 và ISO 22000:2005*) và khiếu nại của khách hàng ngày càng giảm, khách hàng hài lòng hơn với mức hợp tác đã tăng thêm về chiều rộng lẫn chiều sâu.

Ban điều hành Công ty cũng đã áp dụng phương thức trả lương mới từ 2013, theo đó cấp quản lý từ Phó các Ban nghiệp vụ trở lên chỉ được nhận lương ứng hàng tháng, và chỉ được nhận đủ lương công việc khi đơn vị hoàn thành chỉ tiêu lợi nhuận đã được Đại Hội đồng cổ đông thường niên 2013 thông qua.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2012	Năm 2013	Tăng giảm (%)
Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn				
<i>Bố trí cơ cấu tài sản</i>				
- Tài sản cố định / Tổng số tài sản	%	15,06	13,98	(7,20)
- Tài sản ngắn hạn / Tổng số tài sản	%	83,26	84,28	1,23
<i>Bố trí cơ cấu nguồn vốn</i>				
- Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	%	75,72	74,51	(1,6)
- Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	%	24,28	25,49	5,00

b) Tình hình nợ phải trả

Tình hình nợ phải trả	31/12/2012	31/12/2013	Tăng giảm (%)
TỔNG CỘNG	378.812.678.432	343.421.751.180	(9,34)
<i>I. Nợ ngắn hạn</i>	371.992.265.923	343.380.842.089	(7,69)
1. Vay và nợ ngắn hạn	317.503.982.833	290.073.605.619	(8,64)
2. Phải trả người bán	19.555.145.911	24.132.396.040	23,41
3. Người mua trả tiền trước	936.584.209	4.273.983.523	356,33
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	7.532.592.175	1.282.822.243	(82,97)
5. Phải trả người lao động	17.820.517.662	18.990.243.670	6,56
6. Chi phí phải trả	2.858.489.745	449.655.993	(84,27)
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	5.302.252.131	3.965.699.174	(25,21)
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	482.701.257	212.435.827	(55,99)
<i>II. Nợ dài hạn</i>	6.820.412.509	40.909.091	(99,4)
1. Vay và nợ dài hạn	6.684.048.873	-	
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	-		
3. Doanh thu chưa thực hiện	136.363.636	40.909.091	(70)

– Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ

Các khoản nợ	31/12/2012	31/12/2013	Tăng, giảm (%)
Các khoản phải thu ngắn hạn	215.146.465.365	211.135.789.766	(1,86)
1. Phải thu khách hàng	242.911.861.336	225.131.036.344	(7,32)
2. Trả trước cho người bán	5.627.293.488	3.658.671.078	(34,98)
3. Các khoản phải thu khác	1.667.788.344	1.638.520.012	(1,75)
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi *	(35.060.477.803)	(19.292.437.668)	44,97
Nợ phải trả	378.812.678.432	343.421.751.180	(9,34)
1. Nợ ngắn hạn	371.992.265.923	343.380.842.089	(7,69)
2. Nợ dài hạn	6.820.412.509	40.909.091	(99,40)

Các giải pháp chính cho hoạt động năm 2014:

- Đầu tư hoàn thiện các hạng mục phục vụ sản xuất, đồng thời xây dựng các giải pháp, quy trình sản xuất tiết kiệm nước, tiết kiệm chi phí.
- Cùng với việc ổn định thu nhập, việc làm cho người lao động, rà soát, tổ chức kiện toàn bộ máy các phòng ban nghiệp vụ theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp và tăng cường tuyển dụng lao động trực tiếp sản xuất được ưu tiên thực hiện.
- Tiếp tục phát huy các lợi thế của Công ty, cơ cấu lại ở từng lĩnh vực kinh doanh, soát xét lại các khách hàng, với mục tiêu giảm thiểu rủi ro, bảo đảm an toàn vốn.
- Tiếp tục điều chỉnh về qui mô hoạt động của Công ty phát triển nguồn lợi thủy sản, xác định giải pháp phù hợp mục tiêu khai thác hợp lý tài sản, không loại trừ khả năng cơ cấu lại vốn của Công ty từ lĩnh vực hoạt động này.
- Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, sử dụng có hiệu quả nguyên liệu, nhiên liệu, phương tiện, công cụ dụng cụ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh trong Công ty.

V. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:*

Năm 2013, tình hình kinh tế thế giới và trong nước vẫn còn nhiều bất ổn và biến động phức tạp, mặc dù đã có một vài dấu hiệu tích cực cho thấy các hoạt động kinh tế đang phục hồi trở lại sau suy thoái nhưng triển vọng kinh tế toàn cầu nhìn chung chưa vững chắc, trong nước Chính phủ vẫn duy trì chính sách thắt chặt tín dụng để bình ổn kinh tế vĩ mô, điều đó có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Seaprodex Danang, HĐQT và Ban điều hành Công ty (BDH) đã chỉ đạo, điều hành, bám sát các chỉ tiêu chủ yếu do ĐHQĐ giao, đánh giá một số chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh như sau:

Hầu hết các chỉ tiêu kế hoạch đều đạt ở mức cao, nhưng chỉ tiêu quan trọng là lợi nhuận chỉ đạt 15,47% so với kế hoạch và không thể chia cổ tức cho cổ đông.

2. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban điều hành công ty*

Nhìn chung trong năm qua, Ban TGD đã điều hành hoạt động của công ty theo đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình, đồng thời có sự phối hợp, quan hệ tốt để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch, đã chủ động, tích cực, xử lý kịp thời, điều hành những vấn đề phát sinh trong quản lý.

Đối với các tồn tại ở Công ty PTNL thủy sản, BDH đã phát hiện, làm rõ và đã tích cực xử lý, khắc phục hậu quả, tiến hành kiểm điểm, kỷ luật nghiêm đối với các cán bộ vi phạm.

Công ty luôn duy trì được việc làm ổn định và thu nhập của người lao động, bảo đảm các chế độ đối với người lao động như Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hộ lao động, các quyền của người lao động tham gia các tổ chức đoàn thể, xã hội.

HĐQT, Ban TGD vẫn bảo đảm các điều kiện thuận lợi cho các tổ chức Đảng, Công đoàn, Thanh niên,... hoạt động và tham gia quản lý theo đúng quy định của pháp luật, chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức.



3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Chỉ tiêu thực hiện năm 2014 của Seaprodex Danang:

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2014
1. Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.400,00
2. Kim ngạch XNK	Triệu USD	57,50
<i>Xuất khẩu</i>	<i>Triệu USD</i>	<i>30,00</i>
<i>Nhập Khẩu</i>	<i>Triệu USD</i>	<i>27,50</i>
3. SX, gia công, KD thức ăn nuôi TS-GC		
Doanh thu	Tỷ đồng	21,38
Sản lượng SX :	Tấn	7.585
<i>Trong đó, SL SX thức ăn TS</i>	<i>Tấn</i>	<i>1.585</i>
4. Doanh thu KD Kho vận, cho thuê nhà	Tỷ đồng	11,82
5. Khấu hao TSCĐ	Tỷ đồng	11,80
6. Lợi nhuận	Tỷ đồng	7,35
7. Tỷ lệ chia cổ tức	%	5%

Kế hoạch phát triển trong tương lai:

- Đảm bảo duy trì các chứng nhận chất lượng, quản lý quốc tế đã có;
- Tiếp tục cải thiện quản trị nội bộ, chính sách cho công nhân viên.
- Kiểm soát tốt tình hình Công nợ của Công ty.
- Nâng dần kim ngạch xuất khẩu.
- Khai thác hiệu quả các tài sản của Công ty.



VI. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Danh sách HĐQT	Ghi chú	Số cổ phần đại diện vốn nhà nước	Số cổ phần đại diện tổ chức	Số cổ phần thuộc sở hữu cá nhân	Số CP thuộc sở hữu của những NCLQ	Cộng	Tỷ lệ sở hữu/vốn điều lệ (%)	Số lượng chức danh TV HĐQT nắm giữ tại Cty khác
Lê Hồng Sơn	TV HĐQT có kiêm nhiệm	2.467.538		76.476	126.000	2.670.014	26,70	1
Thái Bá Nam	TV HĐQT có kiêm nhiệm	1.500.000		40.000	110.000	1.650.000	16,50	
Lê Công Đức	TV HĐQT không điều hành	1.400.000				0	14,00	2
Lý Tiết Dũng	TV HĐQT không điều hành	-		993.434		993.434	9,93	
Huỳnh Tô Hà	TV HĐQT độc lập		276.593			276.593	2,77	
CỘNG		5.367.538	276.593	1.149.414	236.000	7.029.545	70,30	

b) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Lê Hồng Sơn	Chủ tịch	08/08	100%	
2	Ông Lý Tiết Dũng	Phó CT	08/08	100%	
3	Ông Thái Bá Nam	Thành viên	08/08	100%	
4	Ông Nguyễn Đình Trí	Thành viên	03/08	37.5 %	Thôi là TV HĐQT từ ngày 23/08/2013
5	Ông Huỳnh Tô Hà	Thành viên	08/08	100%	
6	Ông Lê Công Đức	Thành viên	02/08	25%	Bổ sung TV HĐQT từ ngày 08/11/2013

Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị năm 2013:

Stt	Số Nghị quyết Quyết định	Ngày	Nội dung/ hình thức họp
I	Cuộc họp HĐQT	02/01/2013	Lấy ý kiến bằng văn bản 5/5 thành viên
1	01/NQ-HĐQT	02/01/2013	Kế hoạch SXKD, TC 2013; đơn giá lương 2013
2	01/QĐ-HĐQT	02/01/2013	Mức lương Ban TGD; vị trí lãnh đạo khác
II	Cuộc họp HĐQT	28/01/2013	Họp trực tiếp 5/5 thành viên
3	02/NQ-HĐQT	28/01/2013	- Báo cáo cho cổ đông về QĐ 3018 và xử lý các vấn đề liên quan. - Dự kiến ngày tổ chức ĐHCĐ
III	Cuộc họp HĐQT	09/3/2013	Họp trực tiếp 5/5 thành viên
4	02/QĐ-HĐQT	11/03/2013	Mức lương Ban TGD
5	03/QĐ-HĐQT	11/03/2013	Mức lương của người quản lý Công ty
6	03/NQ-HĐQT	11/03/2013	- Thông qua Báo cáo kiểm toán tài chính năm 2012 - Thông qua Báo cáo kiểm toán 02 dự án: nhà 166 Nguyễn Công Trứ; Kho bảo quản lạnh 1500 tấn. - Kế hoạch nội dung, tài liệu, thời gian ĐHCĐ thường niên năm 2013.
7	03b/NQ-HĐQT	25/03/2013	Vay vốn hạn mức tại các ngân hàng.
IV	Cuộc họp HĐQT	27/07/2013	Họp trực tiếp 4/5 thành viên
8	07/NQ-HĐQT	27/07/2013	Thông qua báo cáo 6 th đầu năm, kỷ luật Ông Trí, Bổ nhiệm Ô. Thái – quyền Giám đốc Công ty PTNL Thủy sản.
V	Cuộc họp HĐQT	23/08/2013	Họp trực tiếp 4/5 thành viên
9	08A/NQ-HĐQT	23/08/2013	Ông Nguyễn Đình Trí thôi là thành viên HĐQT
10	08B/NQ-HĐQT	23/08/2013	Thông qua việc vay vốn tại NH Petrolimex
11	08C/NQ-HĐQT	23/08/2013	Việc thế chấp tại Ban TM Xuất nhập khẩu
12	08D/NQ-HĐQT	23/08/2013	Phê duyệt mức lương, quyền Giám đốc Cty PTNLTS
VI	Cuộc họp HĐQT	08/11/2013	Họp trực tiếp 4/4 thành viên
13	11A/NQ-HĐQT	08/11/2013	Bổ sung thành viên HĐQT- Ông Lê Công Đức

14	11/NQ-HĐQT	08/11/2013	Thông qua báo cáo 9 th đầu năm; giao nhiệm vụ chuẩn bị kế hoạch 2014
VII	Cuộc họp HĐQT	26/11/2013	Họp bằng văn bản 5/5 thành viên
15	11B/NQ-HĐQT	26/11/2013	Thông qua chủ trương dự án cải tạo nâng cấp máy móc thiết bị SeaproDEX Danang.
VIII	Cuộc họp HĐQT	19/12/2013	Họp trực tiếp 5/5 thành viên
16	12A/NQ-HĐQT	20/12/2013	Thay đổi Tổng giám đốc công ty từ 01/01/2014
17	12B/NQ-HĐQT	20/12/2013	Bổ sung thành viên Ban Tổng Giám đốc: 01 Phó Tổng Giám đốc từ 01/01/2014
18	12C/NQ-HĐQT	20/12/2013	Xử lý các khoản công nợ khó đòi
19	12D/NQ-HĐQT	20/12/2013	Giao cho Chủ tịch HĐQT ký các quyết định v/v thay đổi các vị trí chủ chốt tại SeaproDEX Danang từ ngày 01/01/2014
20	12E/NQ-HĐQT	20/12/2013	Phê duyệt : Bổ sung đơn giá lương 2013, đơn giá lương 2014.
21	12F/NQ-HĐQT	20/12/2013	Thông qua kế hoạch 2014 để trình ĐHCĐ thường niên 2014.
22	14/QĐ-HĐQT	20/12/2013	Quyết định bổ nhiệm Ông Thái Bá Nam giữ chức vụ Tổng Giám đốc từ 01/01/2014
23	15/QĐ-HĐQT	20/12/2013	Thông nhất để Ông Lê Hồng Sơn Thôi giữ chức vụ Tổng Giám đốc
24	16/QĐ-HĐQT	25/12/2013	Quyết định bổ nhiệm Ông Nguyễn Minh Chánh giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc từ 01/01/2014
25	17/QĐ-HĐQT	26/12/2013	Quyết định bổ nhiệm Ông Trần Nguyên Thái giữ chức vụ Giám đốc Cty PTNL Thủy sản từ ngày 01/01/2014.

c) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành.

Ông Huỳnh Tô Hà là thành viên Hội đồng quản trị độc lập và không điều hành. Ông đều tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT Công ty theo triệu tập của Chủ tịch HĐQT. Tại các cuộc họp, Ông đều có ý kiến tham gia xây dựng Công ty, có chính kiến rõ ràng trong việc quản trị Công ty, ủng hộ những vấn đề cần thay đổi để cải thiện tốt hơn, và phản biện các vấn đề của các thành viên HĐQT điều hành Công ty.

d) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty.

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Thời gian khóa học
1	Lê Hồng Sơn	Chủ tịch HĐQT	09/08/2013- 10/08/2013
2	Lý Tiết Dũng	Phó CT HĐQT	09/08/2013- 10/08/2013
3	Thái Bá Nam	Thành viên HĐQT	09/08/2013- 10/08/2013

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Danh sách Ban Kiểm soát	Ghi chú	Số CP đại diện vốn nhà nước	Số CP sở hữu cá nhân	Số CP sở hữu của NCLQ	Cộng	Tỷ lệ sở hữu/ vốn điều lệ
Trần Phước Thái	Trưởng Ban	100.000			100.000	1,00
Huỳnh Huy Hòa	TV		15.000		15.000	0,15
Lê Văn Trường	TV		2.000		2.000	0,02
CỘNG		100.000	17.000		117.000	1,17

*** Ngày 30/03/2013, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 đã thông qua đơn từ nhiệm của ông Nguyễn Anh Tuấn – Trưởng BKS và đã chấp thuận, bầu bổ sung thành viên mới thay thế là ông Lê Văn Trường; bổ nhiệm Ông Trần Phước Thái làm Trưởng Ban Kiểm soát.*

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Miền Trung (BKS) nhiệm kỳ 2012 - 2017 gồm 03 thành viên nhằm thực hiện nhiệm vụ thay mặt cổ đông kiểm soát các hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị điều hành của Công ty theo thẩm quyền. Hoạt động của Ban kiểm soát tiến hành một cách chủ động theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Trong năm 2013, BKS đã tổ chức 02 cuộc họp định kỳ và các thành viên thường xuyên, chủ động phối hợp, trao đổi thực hiện công tác kiểm tra, giám sát và kiến nghị, nhằm hoàn thành các nhiệm vụ sau:

- Giám sát các hoạt động của Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban điều hành Công ty (BDH).
- Theo dõi, kiểm tra các báo cáo tài chính quý I, 6 tháng, 9 tháng và năm của Công ty. Kiểm soát tính hợp lý, hợp pháp và trung thực trong việc quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, trong việc ghi chép và phản ánh các nghiệp vụ kinh tế trên sổ sách kế toán, báo cáo tài chính.
- Đề xuất và trình Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn đơn vị thực hiện báo cáo kiểm toán tài chính cho năm tài chính 2013.
- Xem xét cụ thể việc xử lý của HĐQT và BDH đối với những tồn tại tại Công ty phát triển nguồn lợi thủy sản.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

Thù lao và tiền lương thực hiện của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát áp dụng cho năm 2013 được phê duyệt theo nghị quyết Hội đồng quản trị số 03/2013/NQHĐQT-SEADN của Hội đồng quản trị ngày 09/03/2013, gồm:

- Hội đồng quản trị:

TT	CHỨC DANH	MỨC LƯƠNG
1	Chủ tịch Hội đồng quản trị	14.400.000 đ/quý
2	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	12.800.000 đ/quý
3	Thành viên Hội đồng quản trị	12.800.000 đ/quý

- Ban Kiểm soát:

TT	CHỨC DANH	MỨC LƯƠNG
1	Trưởng Ban kiểm soát	7.500.000 đ/quý
2	Thành viên Ban kiểm soát	5.500.000đ/quý

- Ban Tổng Giám đốc:

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	Mức lương được duyệt 2013	Mức lương thực nhận 2013 (75% mức được duyệt)
1	Lê Hồng Sơn	Tổng Giám đốc	30.000.000 đ/tháng	22.500.000đ/tháng
2	Thái Bá Nam	Phó Tổng Giám đốc	25.000.000 đ/tháng	18.750.000đ/tháng
3	Trần Như Thiên My	Phó Tổng Giám đốc	22.000.000 đ/tháng	16.500.000đ/tháng
4	Nguyễn Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	22.000.000 đ/tháng	16.500.000đ/tháng

VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán

Ý kiến của Kiểm toán viên

“Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên mọi khía cạnh trọng yếu, các Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2013 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2013, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính.” (trích Báo cáo tài chính kiểm toán niên độ 2013 của Công ty TNHH Kế toán và Kiểm toán -AAC).



2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		388.449.547.552	416.504.625.573
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		14.914.815.977	22.598.631.264
1. Tiền	111	6	14.914.815.977	22.598.631.264
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		211.135.789.766	215.146.465.365
1. Phải thu khách hàng	131		225.131.036.344	242.911.861.336
2. Trả trước cho người bán	132		3.658.671.078	5.627.293.488
3. Các khoản phải thu khác	135	7	1.638.520.012	1.667.788.344
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	8	(19.292.437.668)	(35.060.477.803)
IV. Hàng tồn kho	140		156.299.508.955	170.541.934.297
1. Hàng tồn kho	141	9	156.299.508.955	170.541.934.297
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.099.432.854	8.217.594.647
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	181.041.722	458.764.741
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		5.055.847.884	6.841.286.633
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	11	306.477.805	495.746.566
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	12	556.065.443	421.796.707
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		72.451.592.385	83.747.177.808
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		64.428.846.865	75.356.470.598
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	55.800.748.569	66.728.372.302
- Nguyên giá	222		193.441.022.806	196.653.945.030
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(137.640.274.237)	(129.925.572.728)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	8.628.098.296	8.628.098.296
- Nguyên giá	228		10.829.997.367	10.829.997.367
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.201.899.071)	(2.201.899.071)
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	15	7.823.659.261	7.823.659.261
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		2.859.870.000	2.859.870.000
2. Đầu tư dài hạn khác	258		4.963.789.261	4.963.789.261
V. Tài sản dài hạn khác	260		199.086.259	567.047.949
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	16	199.086.259	567.047.949
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		460.901.139.937	500.251.803.381

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		343.421.751.180	378.812.678.432
I. Nợ ngắn hạn	310		343.380.842.089	371.992.265.923
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	17	290.073.605.619	317.503.982.833
2. Phải trả người bán	312		24.132.396.040	19.555.145.911
3. Người mua trả tiền trước	313		4.273.983.523	936.584.209
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	18	1.282.822.243	7.532.592.175
5. Phải trả người lao động	315		18.990.243.670	17.820.517.662
6. Chi phí phải trả	316	19	449.655.993	2.858.489.745
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	20	3.965.699.174	5.302.252.131
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		212.435.827	482.701.257
II. Nợ dài hạn	330		40.909.091	6.820.412.509
1. Vay và nợ dài hạn	334		-	6.684.048.873
2. Doanh thu chưa thực hiện	338	21	40.909.091	136.363.636
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		117.479.388.757	121.439.124.949
I. Vốn chủ sở hữu	410	22	117.479.388.757	121.439.124.949
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	22	100.000.000.000	100.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	22	(51.650.000)	(51.650.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	417	22	8.129.668.130	8.129.668.130
4. Quỹ dự phòng tài chính	418	22	2.865.906.886	2.706.328.601
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	22	6.535.463.741	10.654.778.218
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		460.901.139.937	500.251.803.381

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU		31/12/2013	31/12/2012
1. Ngoại tệ các loại	USD	39.621,68	56.202,42
2. Nợ khó đòi đã xử lý	VNĐ	19.634.749.912	-

BẢNG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
1. Doanh thu bán hàng & cc dịch vụ	01	23	1.612.994.751.571	1.288.114.090.242
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	5.244.406.823	9.099.087.907
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10	23	1.607.750.344.748	1.279.015.002.335
4. Giá vốn hàng bán	11	24	1.529.894.449.305	1.194.423.875.470
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		77.855.895.443	84.591.126.865
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	15.962.185.042	16.596.587.009
7. Chi phí tài chính	22	26	23.586.029.642	28.396.203.498
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		23	16.444.595.135	27.095.357.230
8. Chi phí bán hàng	24		30.716.082.194	31.141.299.433
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		38.820.588.500	38.857.156.535
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		695.380.149	2.793.054.408
11. Thu nhập khác	31	27	951.226.341	451.320.731
12. Chi phí khác	32	28	100.035.763	452.453.639
13. Lợi nhuận khác	40		851.190.578	(1.132.908)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	29	1.546.570.727	2.791.921.500
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	187.150.349	438.927.637
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	29	1.359.420.378	2.352.993.863
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	135,94	248,04

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	1.726.949.125.311	1.379.563.113.281
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(1.623.347.023.392)	(1.218.758.563.079)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(55.664.317.288)	(54.808.945.168)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(16.459.801.087)	(27.619.850.210)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(12.647.355)	(1.399.238.588)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	8.059.228.294	8.816.154.509
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(7.089.481.533)	(5.843.384.288)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	32.435.082.950	79.949.286.457
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(3.009.091.307)	(18.587.189.673)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	595.000.000	27.909.091
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(1.029.870.000)
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		2.050.500.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.259.322.480	1.962.943.431
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.154.768.827)	(15.575.707.151)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	24.348.350.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.395.107.565.604	1.161.802.039.248
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.429.121.850.634)	(1.233.152.921.013)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(4.950.261.000)	(8.924.151.725)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(38.964.546.030)	(55.926.683.490)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(7.684.231.907)	8.446.895.816
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	22.598.631.264	14.151.815.863
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	416.620	(80.415)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	14.914.815.977	22.598.631.264

Báo cáo tài chính của Công ty là báo cáo tài chính tổng hợp, được công bố đầy đủ tại website www.seadanang.com.vn của CTCP Xuất nhập khẩu thủy sản Miền Trung.

Công ty Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản Miền Trung kính báo cáo!

CÔNG TY CP XNK THỦY SẢN MIỀN TRUNG
T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
(Đã ký)

LÊ HỒNG SƠN